

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2026

Ngày 23/4/2026, tại kỳ họp thứ Nhất Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI đã thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 (Luật số 07/2026/QH16); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 07/2026/L-CTN ngày 26/4/2026; **có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027**; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 84/2025/QH15 hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2026

1. Cơ sở chính trị

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng khẳng định phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc: “*Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân; các chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và người Việt Nam ở nước ngoài*”; “*Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo*”.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW yêu cầu: *Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật có liên quan đến tôn bảo đảm đồng bộ với pháp luật về tôn giáo và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và tham khảo kinh nghiệm quốc tế về công tác tôn giáo, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật đối với tôn giáo; Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia; Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước.*

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ rõ: *“cần tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy tiềm năng và nguồn nhân lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân,...”*.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *“khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền...”*; đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật: *“... phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân;... về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”*.

Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026, Kết luận Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" yêu cầu: *“Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính”*; *“chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm”*; *“Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp”*.

2. Cơ sở pháp lý

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp năm 2013 quy định *“Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm*

phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật” (Điều 24); Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã quy định *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.*

Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi) để thay thế Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 05/4/2026 Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2026 và Hội nghị Chính phủ với địa phương: *“Tiếp tục rà soát, đề xuất phân cấp việc thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm cấp bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 năm 2026”.*

3. Cơ sở thực tiễn

Qua hơn 08 năm thi hành, Luật năm 2016 đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân, tổ chức, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách của việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, cải cách mạnh mẽ thủ tục, phương thức điều hành hành chính, đồng thời, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước, Luật năm 2016 đã phát sinh một số hạn chế, khó khăn, cụ thể:

Thứ nhất, Luật năm 2016 chưa có quy định về nguyên tắc, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng. Trong bối cảnh hiện nay, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng không chỉ là vấn đề mới mà còn là thực tế tất yếu trong kỷ nguyên số, đặt ra yêu cầu cần thiết phải quy định pháp lý đầy đủ, toàn diện về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ

quan nhà nước có thẩm quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông trong việc ngăn chặn các nội dung vi phạm về tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ hai, để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trong bối cảnh chưa sửa đổi được Luật năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Theo đó, Nghị định số 124/2025/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027. Bên cạnh đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo được thành lập trên cơ sở Ủy ban Dân tộc tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo từ Bộ Nội vụ. Do vậy, Luật năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung để thực hiện phân quyền, phân cấp phù hợp, tiếp tục bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và hoàn thiện các biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới.

Thứ ba, thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thời gian qua gặp những khó khăn, vướng mắc do một số vấn đề chưa có quy định của pháp luật điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa rõ ràng, một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo chưa có biện pháp quản lý như: (i) nhiều địa điểm, cơ sở của cá nhân hoặc do doanh nghiệp đầu tư xây dựng có tổ chức hoạt động tín ngưỡng và người thực hiện các hoạt động này đã thực hiện việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) về quản lý nhà nước đối với sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài trong các khu khu đô thị, công nghiệp, khu kinh tế,... (iii) về đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc để tạo thuận lợi cho tất cả các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; ... cần thiết phải bổ sung biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ tư, yêu cầu về cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính là cần thiết.

Từ các cơ sở nêu trên, việc xây dựng dự án Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi) là cần thiết và phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH; QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG; DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN LƯU Ý TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2026

1. Mục đích ban hành

Việc ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 có mục đích nhằm:

(1) Khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện Luật năm 2016 trong thời gian qua, đồng thời kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật năm 2016, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cá nhân, tổ chức thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo;

(2) Hoàn thiện các quy định của Luật năm 2016 bị tác động bởi chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy, bảo đảm hệ thống các cơ quan, người có thẩm quyền hoạt động liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn;

(3) Tiếp tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Góp phần tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm phù hợp với chủ trương tổ chức bộ máy quản lý nhà nước thời gian qua và trong giai đoạn sắp tới.

2. Quan điểm xây dựng Dự án Luật

a) Bám sát và tiếp tục thể chế hoá đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; thúc đẩy công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng trong quá trình xây dựng Luật; tiếp tục thực hiện chủ trương *“Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của công dân”*.

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng quy trình soạn thảo Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tham khảo, nghiên cứu học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay.

3. Dự báo tác động

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 được dự báo sẽ có một số tác động đến cá nhân, tổ chức có liên quan và đến đời sống xã hội như sau:

3.1. Tác động tích cực

Việc ban hành Luật năm 2026 sẽ góp phần hoàn thiện và hiện đại hóa khung pháp lý về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với Hiến pháp năm 2013, pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Qua đó, tiếp tục bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật.

Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng tính chủ động của chính quyền địa phương, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, đáp ứng kịp thời nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Các quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, bổ sung các biện pháp quản lý nhà nước và đẩy mạnh chuyển đổi số sẽ giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp; đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước nâng cao năng lực theo dõi, giám sát, thống kê, dự báo và xử lý các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ, tiết kiệm thời gian, công sức cho tổ chức, cá nhân; thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực số và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, môi trường pháp lý minh bạch, ổn định hơn sẽ góp phần củng cố niềm tin xã hội, tạo điều kiện để các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp, các nguồn lực của các tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được phát huy trong đời sống xã hội, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Đồng thời, các chính sách được xây dựng trên nguyên tắc không phân biệt giới tính, bảo đảm nam và nữ có cơ hội, điều kiện tham gia và thụ hưởng quyền lợi bình đẳng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

3.2. Khó khăn, yêu cầu đặt ra

Để triển khai hiệu quả Luật, yêu cầu trước hết là phải rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời xây dựng, hoàn thiện các quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật, hướng dẫn nghiệp vụ phù hợp với các quy định mới, nhất là các nội dung về phân quyền, phân cấp, chuyển đổi số và quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng.

Việc thực hiện Luật cũng đặt ra yêu cầu về nguồn lực tài chính, nhân lực và hạ tầng kỹ thuật. Nhà nước cần đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo để đáp ứng yêu cầu quản lý trong môi trường số và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

Đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan, việc chuyển đổi sang phương thức quản lý và thực hiện thủ tục hành chính mới có thể phát sinh nhu cầu thích ứng về nhận thức, kỹ năng và điều kiện kỹ thuật. Đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện các giao dịch điện tử trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Bên cạnh đó, quá trình đẩy mạnh chuyển đổi số và mở rộng các hoạt động trên không gian mạng cũng đặt ra những thách thức về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, kiểm chứng thông tin và ngăn ngừa các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không gian mạng để vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát, phối hợp liên ngành và các biện pháp kỹ thuật phù hợp để bảo đảm vừa tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo, vừa giữ vững yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm lợi ích chung của xã hội.

Nhìn chung, các khó khăn chủ yếu phát sinh trong giai đoạn chuyển tiếp và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị đầy đủ về thể chế, nguồn lực và hạ

tăng kỹ thuật, các tác động tích cực của Luật được dự báo sẽ lớn hơn nhiều so với các chi phí và thách thức đặt ra trong quá trình triển khai.

4. Một số nội dung cần lưu ý trong quá trình tổ chức thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026

Trước hết, cần quán triệt đầy đủ mục tiêu, quan điểm và tinh thần của Luật. Việc triển khai thi hành Luật phải bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân với yêu cầu giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước. Các cơ quan, đơn vị và địa phương cần thống nhất nhận thức rằng việc sửa đổi Luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp, đồng thời đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại và phục vụ người dân tốt hơn.

Thứ hai, cần xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với Luật; rà soát, sửa đổi hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, cần xây dựng các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu và cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ ba, cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến và tập huấn sâu rộng những nội dung mới của Luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở các cấp, các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo và Nhân dân nhằm bảo đảm áp dụng Luật thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước, hạn chế tình trạng hiểu và vận dụng khác nhau.

Thứ tư, cần đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện các nội dung mới về phân quyền, phân cấp, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng. Các cơ quan, địa phương cần chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và đội ngũ cán bộ, công chức để triển khai hiệu quả các quy định mới; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các cơ quan và địa phương liên quan nhằm bảo đảm sự thống nhất, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

Thứ năm, cần đẩy mạnh đối thoại, lắng nghe và kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; phát huy vai trò tích cực của các tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo trong các hoạt động an sinh xã hội, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng; đồng thời chủ động cung cấp thông tin khách quan, đầy đủ về chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại và đối ngoại tôn giáo.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2026

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 07/2026/QH16 gồm **09 chương, 61 điều, giảm 07 điều** so với Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14, cụ thể như sau:

- **Chương I. Những quy định chung**, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hợp tác quốc tế trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các hành vi bị nghiêm cấm và hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng.

- **Chương II. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**, gồm 05 điều (từ Điều 9 đến Điều 13) quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; quyền của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo và nghĩa vụ của tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

- **Chương III. Hoạt động tín ngưỡng**, gồm 05 điều (từ Điều 14 đến Điều 18) quy định về người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; thông báo, đăng ký hoạt động tín ngưỡng; tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ; tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi và quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng.

- **Chương IV. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, đăng ký hoạt động tôn giáo**, gồm 02 điều (Điều 19 và Điều 20) quy định về điều kiện, thẩm quyền chấp thuận, thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; điều kiện, thẩm quyền chấp thuận, thu hồi văn bản chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

- **Chương V. Tổ chức tôn giáo**, gồm 18 điều (từ Điều 21 đến Điều 38) quy định về công nhận, giải thể tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc; phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, chuyển chuyển, cách chức, bãi nhiệm, đình chỉ chức sắc, chức việc, nhà tu hành; cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

- **Chương VI. Hoạt động tôn giáo; hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài; hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo**, gồm 13 điều (từ Điều 39 đến Điều 51) quy định về hoạt động tôn giáo; hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo.

- **Chương VII. Tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo**, gồm 04 điều (từ Điều 52 đến Điều 55) quy định về quản lý, sử dụng tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; đất tín ngưỡng, đất tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, bảo quản, tu bổ, phục hồi, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ; di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo.

- **Chương VIII. Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo**, gồm 04 điều (từ Điều 56 đến Điều 59) quy định về nội dung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; thẩm quyền quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; kiểm tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo và khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo.

- **Chương IX. Điều khoản thi hành**, gồm 02 điều (từ Điều 60 đến Điều 61) quy định về hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027; giao Chính phủ quy định chi tiết 34 điều của Luật và quy định các biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật; quy định về điều khoản chuyển tiếp.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2026

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Về phạm vi điều chỉnh

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

1.2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan; tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Khái niệm về tín ngưỡng, tôn giáo

Kế thừa quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, tín ngưỡng, tôn giáo được hiểu như sau:

- *Tín ngưỡng* là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng dân cư (khoản 1 Điều 2).

- *Tôn giáo* là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động, bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức (khoản 5 Điều 2).

3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi đối tượng áp dụng

3.1. Quyền của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư

- Về quyền của cá nhân:

+ Điều 9 của Luật quy định: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo; người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo phải trên cơ sở tự nguyện và được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người đang chấp hành hình phạt tù, người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Đối với người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, theo quy định tại Điều 10 của Luật: Được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; được sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn

giáo; được sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; được mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; được vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo; được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của cá nhân; chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

- Về quyền của tổ chức:

+ Điều 11 của Luật quy định: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự (gọi chung là hiến chương) của tổ chức tôn giáo; được tổ chức sinh hoạt tôn giáo; được xuất bản kinh sách, xuất bản phẩm khác về tôn giáo; được sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; được cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; được nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho; được thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, theo quy định tại Điều 12 của Luật: Được tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý; được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc; được sửa chữa, cải tạo trụ sở; được hoạt động từ thiện, nhân đạo; được tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

- Đối với cộng đồng dân cư: có cơ sở tín ngưỡng là tài sản thuộc sở hữu chung để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng dân cư; được bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; quy định về thời hạn nhiệm kỳ, trách nhiệm, quyền hạn của người đại diện, thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng (Điều 14); được thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng và ngoài cơ sở tín ngưỡng (Điều 15); được tổ chức lễ hội tín ngưỡng (Điều 16, 17); quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng (Điều 18); tổ chức quyên góp, nhận tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật để tạo lập tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng phục vụ hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng (Điều 52).

3.2. Về nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư (Điều 13)

- Tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, gồm:

- (i) Tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- (ii) Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- (iii) Bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, chống lãng phí, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- (iv) Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm.

- Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 7)

- Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.
- Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.
- Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;
 - + Trái đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;
 - + Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;
 - + Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ giữa người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.
- Lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện một trong các hành vi: Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ

quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; trái đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ giữa người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

- Sử dụng không gian mạng, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ để vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

5. Thiết lập khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng (Điều 8)

Lần đầu tiên Luật đã thiết lập khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, như sau:

- Khoản 17 Điều 2 Luật giải thích từ ngữ “*Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng*” là việc tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này sử dụng không gian mạng để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời, bổ sung quy định trong điều 7 về hành vi bị nghiêm cấm: “*Sử dụng không gian mạng, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới để vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo*”.

- Điều 8 Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2026 quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, như sau:

“1. Khi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 của Luật này, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải thông báo, đăng ký hoặc đề nghị về việc thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

b) Tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng có trách nhiệm triển khai các giải pháp kỹ thuật, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền gỡ bỏ, ngăn chặn các nội dung vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Tổ chức, doanh nghiệp có mạng viễn thông có trách nhiệm ngăn chặn truy cập các nội dung vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Quy định trên đã cụ thể hoá nguyên tắc khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng thì các chủ thể có liên quan thực hiện nghĩa vụ thông báo, đăng ký hoặc đề nghị theo các quy định tương ứng của Luật; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của tổ chức, doanh nghiệp có mạng viễn thông trong việc ngăn chặn các nội dung vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Luật năm 2026 đã chuyển một số thẩm quyền của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo Luật năm 2016 cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quy định tại các điều 27 (Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc); điều 28 (Giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc); điều 38 (Giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo); điều 40 (Hội nghị, hội thảo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc); điều 44 (Hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam); điều 45 (Người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam); điều 46 (Tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài) và điều 47 (Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài) nhằm tăng cường phân quyền, phân cấp đảm bảo tổng số thủ tục hành chính bảo đảm cấp bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 89/NĐ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ. Bên cạnh đó, Luật phân định lại các thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

7. Bổ sung biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 đã kế thừa nhiều quy định còn phù hợp của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, bên cạnh đó, Luật điều chỉnh, bổ sung cụ thể các điều, khoản, trong đó có những biện pháp quản lý nhà nước, như:

* Bổ sung biện pháp thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (của cả nhóm là công dân Việt Nam và nhóm người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam), văn bản chấp thuận đăng ký hoạt động tôn giáo và biện pháp đình chỉ chức vụ của chức việc.

* Xác định khung pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng ngoài cơ sở tín ngưỡng. Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo hoặc đăng ký tổ chức lễ hội tín ngưỡng.

* Hoàn thiện quy định tiêu chuẩn đối với người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng và người đại diện, người lãnh đạo tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, nhóm người sinh hoạt tôn giáo tập trung.

* Cụ thể sửa đổi, bổ sung các điều khoản như sau:

- **Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện quy định tại các điều:** 1, 2, 14, 15, 19, 20, 21, 22, 26, 29, 31, 34, 35, 47, 50, 51, 56, 57, 58. Ngoài ra, Luật chỉnh lý các điều, khoản có liên quan để tạo sự thống nhất trong nội tại Luật.

- **Những nội dung bổ sung:** Luật bổ sung một số điểm, khoản, điều, cụ thể:

+ Giải thích về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng (khoản 17 Điều 2): *“Là việc tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này sử dụng không gian mạng để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo”*.

+ Nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 3);

“1. Tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, chống lãng phí, bảo vệ tài nguyên, môi trường”.

+ Hợp tác quốc tế trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 5);

“1. Nguyên tắc hợp tác quốc tế bao gồm:

a) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Nội dung hợp tác quốc tế bao gồm:

a) Trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật;

b) Tổ chức hoặc tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế;

c) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức;

d) Nghiên cứu khoa học;

đ) Phòng, chống vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

e) Nội dung khác theo quy định của pháp luật”.

+ Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng (Điều 8) như đã nêu tại mục 5 phần IV ở trên.

+ Về việc bầu, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng thuộc địa bàn nhiều xã trong một tỉnh và đối với người đại diện cơ sở tín ngưỡng đã được đưa vào Danh mục kiểm kê, xếp hạng di tích (khoản 4 và 6 Điều 14)

“Điều 14. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng

...4. Đối với cơ sở tín ngưỡng thuộc địa bàn nhiều xã, phường, đặc khu trong một tỉnh, thành phố thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức để cộng đồng dân cư nơi có cơ sở tín ngưỡng bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý.

Căn cứ kết quả bầu, cử và các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu, cử.

6. Cơ sở tín ngưỡng đã được đưa vào Danh mục kiểm kê, xếp hạng di tích thì thực hiện việc giao tổ chức, người đại diện quản lý cơ sở theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa,..”.

+ Quy định thông báo và đăng ký hoạt động tín ngưỡng (khoản 2 và khoản 3 Điều 15).

“Điều 15. Thông báo, đăng ký hoạt động tín ngưỡng

...2. Thông báo hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng được thực hiện như sau:

a) Đối với cơ sở tín ngưỡng thuộc địa bàn một xã, phường, đặc khu thì người đại diện hoặc ban quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về hoạt động tín ngưỡng đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng;

b) Đối với cơ sở tín ngưỡng thuộc địa bàn nhiều xã, phường, đặc khu trong một tỉnh, thành phố thì người đại diện hoặc ban quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về hoạt động tín ngưỡng đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở tín ngưỡng;

c) Chậm nhất 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về hoạt động tín ngưỡng diễn ra hằng năm tại cơ sở đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này;

d) Việc thông báo hoạt động tín ngưỡng chỉ thực hiện một lần, trừ hoạt động tín ngưỡng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Đối với hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đã được thông báo thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bổ sung chậm nhất 20 ngày trước ngày diễn ra hoạt động tín ngưỡng.

Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật này.

3. Đăng ký hoạt động tín ngưỡng ngoài cơ sở tín ngưỡng được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động tín ngưỡng ngoài cơ sở tín ngưỡng;

b) Tổ chức, cá nhân trước khi tổ chức hoạt động tín ngưỡng ngoài cơ sở tín ngưỡng có tính chất phức tạp, quy mô lớn có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều này,..”.

+ Quy định điều kiện thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo (Điều 34).

“1. Tổ chức tôn giáo được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo để đào tạo tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này và các điều kiện sau đây:

- a) Có cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo;
- b) Có quy chế tổ chức và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức tôn giáo; có quy chế tuyển sinh;
- c) Có chương trình, nội dung đào tạo không trái quy định của pháp luật; có môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong chương trình đào tạo;
- d) Có nhân sự quản lý và giảng dạy đáp ứng yêu cầu đào tạo.

2. Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo.

3. Sau khi được Bộ Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận, tổ chức tôn giáo có văn bản thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo.

Hết thời hạn 03 năm kể từ ngày được Bộ Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo không thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.

4. Cơ sở đào tạo tôn giáo không thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”.

+ Quy định về trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo (Điều 35).

“1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày cơ sở đào tạo tôn giáo bắt đầu hoạt động, người đại diện cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Bộ Dân tộc và Tôn giáo về hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo kèm theo văn bản thành lập, quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh, danh sách thành viên ban lãnh đạo, báo cáo về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất để bảo đảm hoạt động.

2. Việc tổ chức đào tạo, tuyển sinh của cơ sở đào tạo tôn giáo thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh đã thông báo.

3. Cơ sở đào tạo tôn giáo khi sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh phải đăng ký với Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Cơ sở đào tạo tôn giáo được hoạt động theo các quy chế sửa đổi sau khi được Bộ Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận.

4. Cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả đào tạo của từng khóa học với Bộ Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất 20 ngày kể từ ngày kết thúc khóa học.

5. Trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo phải tuân thủ chuẩn chương trình đào tạo do Chính phủ quy định.

6. *Việc theo học của người nước ngoài tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật này”.*

Ngoài ra, Luật 2026 còn bổ sung các biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (**tại các Điều 19; Điều 20; Điều 33 và Điều 43**).

- **Những nội dung lược bỏ:** Luật lược bỏ các quy định về trình tự, thủ tục, giao cho Chính phủ quy định; lược bỏ quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng của Luật năm 2016 và bổ sung 01 điều nguyên tắc chung (Điều 3); lược bỏ quy định tại Điều 64 và 65 của Luật năm 2016 để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan.

8. Về đơn giản hoá thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính và chuyển đổi số tạo thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính về tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung 07 thủ tục hành chính theo Luật năm 2016, trong đó có 02 thủ tục đăng ký có bổ sung về chủ thể và địa bàn hoạt động (Điều 15), 01 thủ tục đăng ký từ tiền kiểm chuyển sang hậu kiểm (Điều 31) và 04 thủ tục theo hướng đăng ký thay vì đề nghị (Điều 42)

- Sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính theo Luật năm 2016 theo hướng chuyển từ quy định đăng ký thành thông báo: 02 thủ tục tại Điều 15 và 01 thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 37.

- Luật bỏ các quy định về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện các thủ tục trong Luật theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật. Theo đó, thành phần hồ sơ được cắt giảm (phiếu lý lịch tư pháp) và rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính.

- Về chuyển đổi số: Luật đặt ra yêu cầu thực hiện ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Hiện nay, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang được Chính phủ giao xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo, cùng với đó là cơ chế chia sẻ thông tin liên ngành cũng như việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Việc ban hành Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong việc thể chế hóa chủ trương của Đảng, tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ

cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra ổn định, đúng pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phát huy nguồn lực của các tổ chức tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (NT.Hiền).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG